

Bản án số: **18/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 11-9-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Xoan**

2. Ông **Đình Hữu Luynh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX -ST ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nai W**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh **Ya L**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị **Nai W** có mặt, anh **Ya L** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nai W trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Ya L** chung sống với nhau từ năm 2012, đến ngày 29/9/2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thì chị và anh **Ya L** sống cùng nhà với bố mẹ chị tại thôn K, xã K, huyện Đ và hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **Ya L** ham chơi bời, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xích mích, thậm chí có lần anh **Ya L** đã đánh chị, khiến chị tổn thương tình cảm, khủng hoảng tinh thần. Từ tháng 6/2020, anh **Ya L** đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại thôn B, xã L, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Ya L**.

Về con chung: Vợ chồng chị có một người con chung là cháu Dạ Gút Su R, sinh ngày: 16/7/2013. Hiện nay, cháu Su R đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Su R cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Ya L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị và anh Ya L không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020, bị đơn anh Ya L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thừa nhận thời gian sống chung, đăng ký kết hôn như chị Nai W trình bày là đúng. Quá trình sống chung thì anh chị cùng ở với bố mẹ chị Nai W tại thôn Kn, xã K và sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, anh không có việc làm, tính cách giữa anh và chị Nai W có nhiều khác biệt. Mặt khác, do là ở chung nhà với gia đình chị Nai W nên phát sinh mâu thuẫn ngay cả với mẹ vợ. Vì vậy, vợ chồng hay xích mích cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Anh thừa nhận, quá trình sống chung, do bức xúc nên có lần anh đã đánh chị Nai W. Từ tháng 6/2020, anh đã chuyển về nhà cha mẹ ruột tại thôn B, xã L, huyện Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mạnh ai người ấy sống. Nay chị Nai W yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị Nai W.

Về con chung: Anh và chị Nai W có một người con chung là cháu Dạ Gút Su R, sinh ngày: 16/7/2013, hiện đang do chị Nai W trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Nai W trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Vì hiện nay cháu Su R đang học tập ổn định tại trường tiểu học K. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Nai W tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nai W tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Do bị đơn anh Ya L có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải. Mặt khác, nguyên đơn chị Nai W có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nai W vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Ya L; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Dạ Gút Su R, không yêu cầu anh Ya L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận; về nợ chung, thì chị và anh Ya L không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Ya L không chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nai W được ly hôn với anh Ya L; về con chung: Giao cho chị Nai W trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dạ Gút Su R; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; về tài sản

chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung, do không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Nai W, bị đơn anh Ya L và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Bị đơn anh Ya L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ya L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nai W và anh Ya L đã được UBND xã K Đơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 quyển số 01 ngày 29/9/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nai W và anh Ya L là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”

Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nai W, anh Ya L thì thấy quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị Nai W thì cho rằng anh Ya L ham chơi bời, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình, thậm chí có lần anh Ya L đã đánh chị, khiến chị tổn thương tình cảm, khủng hoảng tinh thần; còn anh Ya L thì cho rằng nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, anh không có việc làm, tính cách giữa anh và chị Nai W có nhiều khác biệt, mặt khác do là ở chung nhà với gia đình chị Nai W nên phát sinh mâu thuẫn ngay cả với mẹ vợ. Vì vậy, vợ chồng hay xích mích cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề, anh thừa nhận, quá trình sống chung, do bức xúc nên có lần anh đã đánh chị Nai W.

Mặt khác, Tòa án tiến hành xác minh bà Ma R là mẹ ruột của chị Nai W cho biết “*Vợ chồng anh Ya L và chị Nai W sống chung với bà tại thôn K, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì giữa hai bên có xích mích, cãi vã nhau, nguyên nhân là do tính cách mỗi người khác biệt, anh Ya L ham chơi bời, có lần đã đánh chị Nai W nên vợ chồng hay lục đục, không hạnh phúc, tháng 6/2020, anh Ya L đã về nhà cha mẹ ruột tại xã L sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó*”. Tại biên bản xác minh ngày 18/8/2020 ông Ya M, bà Ma D là cha mẹ ruột của anh Ya L cho biết “*Khi tìm hiểu và quyết định sống chung thì anh Ya L đã chuyển về xã K sống cùng với chị Nai W, thời gian đầu*

sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn như vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, xích mích, tháng 6/2020 anh Ya L đã dọn về ở cùng ông bà tại thôn B, xã L và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai”

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Nai W và anh Ya L là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn kéo dài nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn huyên tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã phân tích động viên để chị Nai W trở về đoàn tụ cùng anh Ya L nhưng chị Nai W vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Nai W, anh Ya L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nai W và anh Ya L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị Nai W và anh Ya L đều xác nhận có một người con chung là cháu Dạ Gút Su R, sinh ngày: 16/7/2013. Xét thấy hiện nay, cháu Su R đang do chị Nai W trực tiếp nuôi dưỡng và cháu học tập tại trường tiểu học K. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020, anh Ya L thể hiện ý kiến, nếu trường hợp phải ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con cho chị Nai W nuôi dưỡng. Mặt khác, Tòa án xác minh bà Ma R là mẹ ruột của chị Nai W; ông Ya M, bà Ma D là cha mẹ ruột của anh Ya L đều thể hiện ý kiến, trường hợp chị Nai W và anh Ya L phải ly hôn thì nên giao con cho chị Nai W nuôi dưỡng vì cháu Su R đang học tập ổn định tại trường tiểu học K và chị Nai W có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn. Để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu Su R, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Dạ Gút Su R cho chị Nai W trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Su Rô và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Nai W không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[2.3] *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Nai W và anh Ya L xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] **Về án phí**: Do chị Nai W là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Ya L không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 206, 207, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nai W đối với bị đơn anh Ya L.

Cho chị Nai W và anh Ya L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Dạ Gút Su R, sinh ngày: 16/7/2013 cho chị Nai W được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn chị Nai W. Anh Ya L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nai W có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ya L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn